

Số: 339/BC-SLĐTBXH

Quảng Bình, ngày 25 tháng 6 năm 2024

BÁO CÁO

Sơ kết 02 năm thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022
của Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình đến năm 2025,
định hướng đến năm 2030

Phần thứ nhất

KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT SỐ 07-NQ/TU

I. CÔNG TÁC LÃNH ĐẠO, CHỈ ĐẠO, XÂY DỰNG CƠ CHẾ, CHÍNH SÁCH TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 698/KH-UBND ngày 28/4/2022 về chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (LĐTBXH) đã cụ thể hóa các nội dung, nhiệm vụ của Nghị quyết bằng nhiều văn bản (có Phụ lục I, II gửi kèm theo).

II. CÔNG TÁC TUYÊN TRUYỀN, NÂNG CAO NHẬN THỨC VỀ CHUYỂN ĐỔI SỐ

Sở LĐTBXH đã chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc (PCM, ĐV), cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (CBCCVCLĐ) tổ chức tuyên truyền, phổ biến và triển khai thực hiện các nội dung của Nghị quyết số 07-NQ/TU ngày 31/3/2022 của Tỉnh ủy, Kế hoạch số 698/KH-UBND ngày 28/4/2022 về chuyển đổi số giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 nhằm nâng cao nhận thức của CBCCVCLĐ về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số, thúc đẩy cải cách hành chính, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội bền vững trên địa bàn tỉnh.

Xác định tầm quan trọng của công tác tuyên truyền trong quá trình thực hiện chuyển đổi số, bao gồm: xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số, xã hội số, kinh tế số, Sở LĐTBXH đã chỉ đạo các PCM, ĐV tổ chức tuyên truyền chuyển đổi số với nhiều nội dung thiết thực như: tuyên truyền chủ trương, chính sách, các chương trình, kế hoạch chuyển đổi số quốc gia, của tỉnh và của Sở; các chương trình chuyển đổi số có liên quan đến ngành.

III. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ

1. Nhận thức số

Sở LĐTBXH đã chỉ đạo các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc (PCM, ĐV) tích cực phối hợp với các cơ quan báo chí, truyền thông tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động (CBCCVCLĐ) trong xây dựng và phát triển nhân lực số, chính quyền số, kinh tế

số, xã hội số và dữ liệu số.

Trang Thông tin điện tử tỉnh của Sở và của các đơn vị tích cực thực hiện đăng các tin, bài, phóng sự chuyên đề về các lĩnh vực của Ngành. Triển khai xây dựng chuyên mục riêng về chuyển đổi số, qua đó, tăng cường tuyên truyền nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cấp ủy Đảng, chính quyền về chuyển đổi số; hướng dẫn, phổ cập kiến thức, kỹ năng số cơ bản cho CBCCVCLĐ.

2. Thể chế số

Sở đã ban hành nhiều văn bản để lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chuyển đổi số (có Phụ lục I, II gửi kèm theo). Ngoài ra, Sở còn ban hành nhiều văn bản trong đó lồng ghép công tác chuyển đổi số vào để tổ chức triển khai thực hiện các lĩnh vực của Ngành.

3. Nhân lực số

Sở đã thành lập Tổ triển khai thực hiện xây dựng chính quyền điện tử với 05 thành viên, trong đó: Giám đốc Sở làm Tổ trưởng và 01 đồng chí Phó Giám đốc Sở làm Tổ phó; thành lập Ban Biên tập Trang Thông tin điện tử của Sở với 03 thành viên, trong đó giao 01 đồng chí Phó Giám đốc Sở làm Trưởng ban; đồng thời ban hành Quy chế hoạt động của Trang Thông tin điện tử của Sở.

Tại Sở và các đơn vị thực thuộc Sở đều bố trí 01 nhân viên kiêm nhiệm phụ trách công nghệ thông tin (CNTT). Hàng năm, Sở tạo điều kiện để các nhân viên này tham gia đầy đủ các lớp đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn về CNTT để nắm bắt những thông tin mới, vận dụng sáng tạo vào công việc nhằm tham mưu cho Lãnh đạo Sở triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ của Ngành.

4. Hạ tầng số và an toàn thông tin mạng

Hiện nay, tại Văn phòng Sở sử dụng đường truyền của VNPT với tốc độ 100Mb; đã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông, nhà mạng VNPT thay thế lắp đặt Router cân bằng tải nhằm cải thiện hiệu năng của công việc, tối đa hoá thông lượng và đảm bảo an toàn cho hệ thống thông tin (HTTT) của Văn phòng Sở. Các máy tính được cài đặt phần mềm phòng, chống mã độc của Viettel do tỉnh trang cấp. Sở đã xây dựng Hồ sơ cấp độ I cho HTTT mạng LAN nội bộ gửi Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định để ban hành triển khai; sau khi thẩm định, Sở sẽ phối hợp với nhà mạng VNPT và 01 đơn vị chuyên cung cấp, lắp đặt thiết bị mạng để kiểm tra phần cứng, phần mềm, đánh giá, quản lý rủi ro an toàn thông tin của Sở, đảm bảo an toàn, an ninh mạng.

Tại Văn phòng Sở và các đơn vị, CBCCVCLĐ được trang bị máy tính và được kết nối Internet, wifi, cài đặt phần mềm diệt vi rút, trang bị máy Scan... để giải quyết công việc của cơ quan, đơn vị và được thực hiện nghiêm túc theo quy định của Sở; đồng thời nghiêm cấm CBCCVCLĐ sử dụng các phương tiện CNTT gây hại an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội, tiết lộ các bí mật nhà nước...

5. Chính quyền số

Tiếp tục triển khai thực hiện tốt các hệ thống phần mềm dùng chung của tỉnh như: Hệ thống theo dõi việc thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh; Hệ Chương

trình Quản lý văn bản và hồ sơ công việc (QLVB và HSCV); HTTT báo cáo; một cửa điện tử liên thông; xử lý phản ánh hiện trường; phần mềm quản lý công tác thi đua, khen thưởng; tiếp công dân và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo... Sở đã chỉ đạo các PCM, ĐV, CBCCVCLĐ thường xuyên cập nhật kịp thời các thông tin liên quan đến cơ quan, đơn vị đăng tải trên Trang Thông tin điện tử của cơ quan, đơn vị; đăng tải các văn bản chỉ đạo của các cấp có liên quan; trả lời ý kiến của người dân; công khai các TTHC và tình hình thu - chi ngân sách; sử dụng thư công vụ để trao đổi công việc; cập nhật thông tin liên quan đến CBCCVCLĐ trên hệ thống phần mềm...

Phối hợp Sở Thông tin và Truyền thông, VNPT Quảng Bình triển khai thử nghiệm HTTT Dịch vụ công trực tuyến đăng ký, giải quyết chính sách trợ giúp xã hội trực tuyến với Cổng dịch vụ công/HTTT một cửa điện tử tỉnh thông qua nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu quốc gia. Đôn đốc các địa phương triển khai chi trả trợ cấp an sinh xã hội không dùng tiền mặt.

Hiện nay, Sở LĐTBXH có 65 TTHC thường xuyên phát sinh hồ sơ, được thực hiện tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và 16 TTHC tiếp nhận trực tiếp các đơn vị trực thuộc Sở, 132 TTHC thực hiện dịch vụ công trực tuyến được phê duyệt ở 03 cấp chính quyền thuộc các lĩnh vực quản lý.

Hiện nay, Sở đang triển khai sử dụng một số phần mềm chuyên ngành như: quản lý chi trả trợ cấp ưu đãi người có công, quản lý thương binh, quản lý liệt sĩ, quản lý mộ - nghĩa trang liệt sĩ, tra cứu thông tin người có công, quản lý trẻ em, quản lý hộ nghèo và cận nghèo, quản lý người khuyết tật và nạn nhân bom mìn, quản lý đối tượng tại các cơ sở trợ giúp xã hội... Việc áp dụng CNTT đã giúp cho công tác quản lý điều hành được thực hiện có chất lượng và hiệu quả; tiết kiệm chi phí hành chính; rút gọn quy trình, TTHC; minh bạch về các thông tin của Sở; tạo thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp khai thác thông tin; tăng cường các mối quan hệ với các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân có liên quan.

6. Kinh tế số và xã hội số

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền phiên giao dịch việc làm bằng hình thức online thông qua website của Trung tâm Dịch vụ việc làm, qua Fanpage của Sàn giao dịch việc làm. Cung cấp thông tin về các phiên giao dịch việc làm cho người lao động thông qua nhóm Zalo của Sàn giao dịch việc làm, người lao động có nhu cầu tìm việc làm chủ động quét mã QR tham gia nhóm Zalo để tiếp cận thông tin.

Đôn đốc các địa phương tiếp tục tuyên truyền, hướng dẫn đối tượng thực hiện trợ cấp an sinh xã hội không dùng tiền mặt; tiếp tục triển khai chi trả trợ cấp an sinh xã hội qua hệ thống Bưu điện. Tính đến nay, đã thực hiện chi trả trợ cấp an sinh xã hội không dùng tiền mặt cho 2.752 người với số tiền lũy kế từ khi triển khai đến nay gần 15 tỷ đồng, trong đó gồm 779 đối tượng bảo trợ xã hội và 1.973 người có công với cách mạng.

IV. NHỮNG TỒN TẠI, HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN

Nhận thức, kiến thức về chuyển đổi số của một bộ phận CBCCVCLĐ vẫn

còn hạn chế. Lực lượng CCVCLĐ kiêm nhiệm về CNTT, chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng của các PCM, ĐV năng lực chưa đáp ứng yêu cầu đặt ra.

Hạ tầng thiết bị máy tính, kết nối mạng tại một số đơn vị vẫn còn thiếu về số lượng và yếu về cấu hình, chất lượng; nhiều thiết bị nay đã xuống cấp, lạc hậu, hiệu năng sử dụng thấp... ảnh hưởng đến thời gian, chất lượng giải quyết công việc và phục vụ người dân, doanh nghiệp.

Ứng dụng CNTT, công nghệ số tại các PCM, ĐV chưa quan tâm nhiều đến số hóa dữ liệu và tận dụng việc ứng dụng công nghệ để cải cách, đổi mới quy trình làm việc, cách thức phục vụ. Do ngân sách còn hạn chế nên việc triển khai xây dựng, phát triển các cơ sở dữ liệu, làm giàu dữ liệu số chuyên ngành, lĩnh vực gặp nhiều khó khăn, kết quả còn khiêm tốn.

Hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ người dân, doanh nghiệp tiếp cận, sử dụng dịch vụ trực tuyến chưa cao; hồ sơ thực hiện dịch vụ công trực tuyến hay sai sót và thiếu biểu mẫu; tỷ lệ giao dịch thanh toán điện tử trong giải quyết TTHC còn thấp.

Công tác triển khai chi trả trợ cấp an sinh xã hội không dùng tiền mặt còn gặp nhiều khó khăn do các đối tượng đa số là khuyết tật, già yếu, đi lại khó khăn, xa trung tâm và hạ tầng phục vụ chi trả của tỉnh chưa đáp ứng cho đối tượng.

Một bộ phận người dân, nhất là các hộ nghèo, hộ cận nghèo chưa có điều kiện sở hữu, sử dụng thiết bị máy tính, điện thoại thông minh và kết nối internet băng rộng để tiếp cận công nghệ, dịch vụ số, nâng cao kiến thức, kỹ năng số.

Phần thứ hai

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

I. NHỮNG MỤC TIÊU, CHỈ TIÊU CÒN LẠI

1. Mục tiêu, chỉ tiêu đến năm 2025 chưa hoàn thành (tiếp tục thực hiện)

- 100% thủ tục hành chính đủ điều kiện theo quy định của pháp luật được cung cấp bằng hình thức dịch vụ công trực tuyến toàn trình; tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính nộp trực tuyến trên 50%; tối thiểu 80% hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý hoàn toàn trực tuyến; tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết thủ tục hành chính.

- 95% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 70% cơ sở dữ liệu chuyên ngành được xây dựng.

- 80% thông tin của đối tượng an sinh xã hội được số hóa và lưu trữ tại cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội.

- Tiếp tục thúc đẩy hoạt động hỗ trợ người dân được thụ hưởng chính sách an sinh xã hội không dùng tiền mặt.

2. Mục tiêu, chỉ tiêu đến năm 2030

- Giảm 30% các thủ tục hành chính, tăng 30% dịch vụ mới có tính sáng tạo dựa trên dữ liệu phục vụ người dân, doanh nghiệp.
- 100% hồ sơ công việc được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- 90% thông tin của đối tượng an sinh xã hội được số hóa và lưu trữ tại cơ sở dữ liệu quốc gia về an sinh xã hội.
- Tiếp tục thúc đẩy hoạt động hỗ trợ người dân được thụ hưởng chính sách an sinh xã hội không dùng tiền mặt.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức của các CBCCVCLĐ, cộng đồng doanh nghiệp và người dân về sự cần thiết của chuyển đổi số. Gắn trách nhiệm của người đứng đầu về kết quả, hiệu quả chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, lĩnh vực phụ trách; lấy việc triển khai thực hiện chuyển đổi số là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu.

Tổ chức triển khai Ngày Chuyển đổi số quốc gia và Ngày Chuyển đổi số bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả, không phô trương, hình thức, mang lại lợi ích thiết thực cho người dân, doanh nghiệp.

Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các phần mềm dùng chung của tỉnh, các nền tảng số, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành. Đôn đốc triển khai thực hiện chủ trương chi trả trợ cấp không dùng tiền mặt trong thực hiện chính sách an sinh xã hội cho các đối tượng thụ hưởng nguồn ngân sách nhà nước.

Tích cực tham gia đầy đủ các khóa đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số, kỹ năng số gắn với cải cách hành chính, công vụ cho đội ngũ CBCCVCLĐ.

Rà soát, kiện toàn các đơn vị, bộ phận, đội ngũ phụ trách CNTT của cơ quan, đơn vị; bố trí, sắp xếp lực lượng cán bộ kỹ thuật phục vụ triển khai, cung cấp các dịch vụ đô thị thông minh, bảo đảm an toàn thông tin mạng; tăng cường thu hút nguồn nhân lực có chất lượng bổ sung vào đội ngũ cán bộ chuyên trách CNTT, an toàn thông tin mạng; thực hiện nghiêm túc các quy định về bảo vệ BMNN; quản lý và sử dụng Internet, máy tính, điện thoại thông minh, thiết bị lưu trữ đảm bảo an toàn HTTT, không để lộ, lọt thông tin BMNN.

Đẩy mạnh thực hiện chuyển đổi toàn bộ mạng sang ứng dụng địa chỉ giao thức internet thế hệ mới (IPv6). Phát triển hạ tầng phục vụ ứng dụng CNTT, công nghệ số hiện đại, đồng bộ. Xây dựng mạng diện rộng trên cơ sở mạng truyền số liệu chuyên dùng bảo đảm kết nối, chia sẻ thông tin, dữ liệu với tốc độ cao giữa các cơ quan nhà nước.

Tổ chức kết nối, chia sẻ, liên thông giữa các cơ sở dữ liệu, nền tảng số để quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, tránh lãng phí và chồng chéo.

Tiếp tục rà soát, hoàn thành phân loại, xác định, đề xuất, phê duyệt cấp độ; triển khai đầy đủ phương án bảo đảm an toàn hệ thống thông tin phù hợp với quy định của pháp luật và tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật cho các hệ thống hạ tầng ứng dụng CNTT, hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu, phần mềm dùng chung, chuyên ngành, nội bộ.

Bố trí kinh phí nhằm tăng cường trang bị cơ sở vật chất đảm bảo cho hệ thống công nghệ thông tin của cơ quan, đơn vị. Thường xuyên kiểm tra, đánh giá định kỳ, đột xuất về an toàn, an ninh mạng; chấn chỉnh, nhắc nhở những sai phạm để khắc phục, sửa chữa trong thời gian tới./.

Nơi nhận:

- Sở Thông tin và Truyền thông;
- Lãnh đạo Sở;
- Các PCM, ĐV trực thuộc Sở;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Hồ Tân Cảnh

Phụ lục I

**Các văn bản triển khai thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TU, ngày 31/3/2022
của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh của cấp tỉnh và cấp huyện**
(Kèm theo Báo cáo số 339/BC-SLĐTBXH ngày 25/6/2024 của
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

TT	Văn bản đã triển khai
1	Kế hoạch số 506/KH-SLĐTBXH ngày 09/5/2022 chuyển đổi số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030
2	Kế hoạch số 868/KH-SLĐTBXH ngày 04/7/2022 triển khai thực hiện phát triển kinh tế số và xã hội số giai đoạn 2022 - 2025
3	Kế hoạch số 1450/KH-SLĐTBXH ngày 03/10/2022 truyền thông về Ngày Chuyển đổi số quốc gia năm 2022
4	Kế hoạch số 1753/KH-SLĐTBXH ngày 17/11/2022 chuyển đổi số năm 2023
5	Kế hoạch số 1499/KH-SLĐTBXH ngày 11/9/2023 tổ chức Ngày Chuyển đổi số tỉnh Quảng Bình năm 2023
6	Kế hoạch số 40/KH-SLĐTBXH ngày 08/01/2024 thực hiện chuyển đổi số năm 2024

Phụ lục II
Các nhiệm vụ, đề án, chương trình trọng tâm ứng dụng CNTT, chuyển đổi
số trên địa bàn tỉnh Quảng Bình giai đoạn 2022-2024
(Kèm theo Báo cáo số 339/BC-SLĐTBXH ngày 25/6/2024 của
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội)

TT	Tên nhiệm vụ/dự án	Năm triển khai	Ghi chú
1	Nâng cấp, hoàn thiện trang thiết bị công nghệ đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số	2022, 2023	
2	Đầu tư hệ thống trang thiết bị phục vụ công tác họp trực tuyến	2022	
3	Ứng dụng các chức năng, tính năng của Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; Hệ thống Thống kê của Bộ LĐTBXH	2022, 2023	
4	Ứng dụng Hệ thống quản lý công tác thanh tra và giải quyết khiếu nại, tố cáo	2022, 2023	
5	Tổ chức ứng dụng các phần mềm dùng chung của tỉnh và các phần mềm chuyên ngành	2022, 2023	
6	Tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 và Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 07/6/2019 của Thủ tướng Chính phủ về bảo đảm an toàn, an ninh mạng	2022, 2023	
7	Tham gia tập huấn, bồi dưỡng ứng dụng CNTT	2022, 2023	
8	Rà soát, kiện toàn đội ngũ cán bộ phụ trách CNTT	2022, 2023	
9	Tiếp tục triển khai các ứng dụng, dịch vụ đô thị thông minh dùng chung của tỉnh	2022, 2023	
10	Số hóa kết quả giải quyết TTHC lĩnh vực LĐTBXH	2022, 2023	
11	Số hóa hồ sơ người có công với cách mạng và xây dựng phần mềm quản lý, khai thác hồ sơ và chi trả kinh phí ưu đãi người có công với cách mạng	2022	
12	Đầu tư cơ sở hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin nhằm hiện đại hóa hệ thống thông tin thị trường lao động, hình thành sản phẩm dịch vụ làm trực tuyến, xây dựng cơ sở dữ liệu việc tìm người - người tìm việc	2023	